

MỘT SỐ KIỂU BÀI TẬP NGÔN NGỮ VĂN CHƯƠNG DÙNG CHO SINH VIÊN NGỮ VĂN VÀ CÁC KHỐI NGÀNH LIÊN QUAN

NGUYỄN THẾ TRUYỀN*

TÓM TẮT

Bài tập là công đoạn rất cần thiết để tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên (SV). Bài viết này giới thiệu sơ lược vị trí, lịch sử dạy học học phần Ngôn ngữ văn chương (NNVC) và công việc thiết kế bài tập NNVC của những tác giả đi trước, đồng thời giới thiệu các kiểu bài tập NNVC do chúng tôi thiết kế và một số bài tập minh họa. Bài viết cũng nhằm gợi mở sự trao đổi, tranh luận để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học học phần NNVC trong trường đại học ở Việt Nam.

Từ khóa: ngôn ngữ văn chương, bài tập, học phần.

ABSTRACT

Some exercise types in literary language for students of linguistics and literature and other relevant disciplines

Exercise is a very necessary step to activate positive learning activities of students. The article introduces briefly the position and history of the Literary language module and the designs of literary language exercises by previous authors, as well as exercises designed by the researchers and illustrative exercises. The article also wants to open more discussions and debates about enhancing the teaching quality in the Literary language module in universities in Vietnam.

Keywords: literary language, exercises, module.

1. Vị trí của học phần Ngôn ngữ văn chương trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam

Trong chương trình giáo dục đại học Việt Nam hiện nay, ở các chuyên ngành Ngữ văn, Văn học, Ngôn ngữ học, Việt Nam học, Văn hóa học, Báo chí, Viết văn... của nhiều trường đại học, NNVC là một học phần bắt buộc hoặc tự chọn. Ngoài ra, NNVC còn là một học phần trong chương trình của bậc cao học ngành Ngôn ngữ hoặc Văn học Việt Nam của một số trường đại học, học viện. Thời lượng dành cho học phần này thường từ 30 tiết đến 45 tiết (2 hoặc 3 tín chỉ).

Trước đây, học phần này thường được gọi là *Ngôn ngữ và văn học*, *Ngôn ngữ với văn học*, *Việt ngữ học với việc nghiên cứu văn học*, hoặc *Ngôn ngữ và văn chương*, *Ngôn ngữ với văn chương*.

Hiện nay, hầu hết các trường đại học ở Việt Nam đều gọi học phần này với tên gọi "*Ngôn ngữ văn chương*" theo định hướng cơ bản là nghiên cứu, phân tích các đặc trưng, tính chất của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương – tác phẩm văn chương nói chung và tác phẩm văn chương gắn liền với từng thể loại (thơ, văn xuôi, kịch), từng thời kỳ lịch sử (văn học dân gian, văn học trung đại, văn học

* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: nguyenthethruyen2004@yahoo.com

hiện đại), nhằm giúp SV, học viên hiểu tốt nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Như vậy, học phần này là một phần trong bộ môn Ngữ văn học. Nó nghiên cứu mặt hình thức ngôn ngữ. Nó ứng dụng các thành tựu của ngôn ngữ học (như Phong cách học miêu tả, Phong cách lịch sử, Ngữ dụng học, Văn bản học, Phân tích diễn ngôn...) và Ký hiệu học để nghiên cứu văn chương từ góc độ ngôn ngữ và về phương diện ngôn ngữ.

Theo kinh nghiệm dạy học nhiều năm và ở nhiều ngành của mình, chúng tôi thấy một cấu trúc nội dung chương trình học phần NNVC gồm 7 phần như sau đây xác định chỗ đứng biệt lập của học phần này:

- (1) Tổng quan về NNVC
- (2) Đặc trưng của NNVC
- (3) Ngôn ngữ thơ
- (4) Ngôn ngữ văn xuôi
- (5) Ngôn ngữ kịch
- (6) Lịch sử NNVC Việt Nam
- (7) Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy NNVC.

2. Lịch sử dạy học học phần Ngôn ngữ văn chương

Việc dạy học môn (chuyên đề, học phần) NNVC ở các trường đại học của Việt Nam đã có thời gian 50 năm (chúng tôi tính từ mốc thời gian là quyển sách dạy đại học “Lược khảo văn học II – Ngôn ngữ văn chương và kịch” của Nguyễn Văn Trung in ở Sài Gòn năm 1966). Ở miền Bắc, lúc đầu nó là các chuyên đề ở các lớp đại học hoặc cao học với tên gọi “Ngôn ngữ và văn học” hoặc “Ngôn ngữ văn học”. Sau này, khoảng thập kỉ 90 của thế kỉ XX, chuyên đề này

mới trở thành môn học, rồi chuyển đổi thành học phần như hiện nay.

Từ trước đến nay, cách tiếp cận văn học từ góc độ ngôn ngữ đi theo ba hướng¹ với các nội dung nghiên cứu cơ bản như sau đây:

1. Nghiên cứu văn học theo cách tiếp cận văn bản học
2. Nghiên cứu văn học theo cách tiếp cận hệ thống – cấu trúc
3. Nghiên cứu văn học với tư cách là nghệ thuật ngôn từ.

(Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM), Đề cương chuyên đề cao học “*Việt ngữ học với việc nghiên cứu văn học*”, ĐHSPTPHCM, 2005).

Hiện nay, học phần NNVC chủ yếu đi theo cách tiếp cận thứ 3 của đề cương vừa dẫn.

Sách và giáo trình đã từng phục vụ trực tiếp cho việc dạy học trên lớp học phần này, từ trước đến nay, ở miền Nam cũng như miền Bắc, theo tìm hiểu của chúng tôi, có các quyển sau đây²:

- (1) Nguyễn Văn Trung, *Lược khảo văn học*, Tập 1, 2, 3, Nam Sơn, Sài Gòn, 1966.

Quyển này có 3 tập, nhưng liên quan trực tiếp là Tập 2 (NNVC và kịch).

- (2) Bùi Đức Tịnh, *Văn học và ngữ học: Một số vấn đề văn học xét theo quan điểm ngữ học*, Lửa thiêng, Sài Gòn, 1974.

(3) Hoàng Kim Ngọc (chủ biên), Hoàng Trọng Phiến, *Ngôn ngữ văn chương (Giáo trình dành cho SV ngành Ngữ văn các trường đại học)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.

- (4) Bùi Minh Toán, *Ngôn ngữ với*

Văn chương, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012.

3. Công việc thiết kế bài tập Ngôn ngữ văn chương của các tác giả đi trước

Người đầu tiên thiết kế bài tập về NNVC là học giả Nguyễn Hiến Lê. Cách đây hơn 60 năm, trong quyển “Luyện văn I” (Lá bối, Sài Gòn, 1953), ở chương V, trang 98 (bản in 1970), Nguyễn Hiến Lê đề xuất một dạng bài tập dùng cho người tự học luyện dùng từ ngữ “tinh xác” là *“chép lại những đoạn văn của tác giả có chân tài, nhưng bỏ trống những tiếng đặc biệt. Độ một tháng sau, khi đã quên hẳn đoạn đó, chỉ còn nhớ ý chính, sẽ lấy ra, tìm tiếng bỏ vào chỗ khuyết rồi so sánh với nguyên văn”*. Và ông đã thiết kế một bài tập minh họa là điền từ ngữ cho một đoạn văn lấy từ truyện “Báo oán” (Nguyễn Tuân) bỏ trống 18 chỗ. Đáp án ông đưa ra cách đó 1 trang.

Người thứ hai ghi dấu ấn của mình rõ ràng hơn trong lịch trình thiết kế bài tập NNVC (cho bậc đại học) là tác giả Đinh Trọng Lạc³ với quyển “300 bài tập phong cách học”, Nxb Giáo dục, 1999. Quyển sách này không phải được viết ra để dùng cho môn NNVC, nhưng trong nội dung của nó có phần bài tập về Ngôn ngữ nghệ thuật (Chương III, gồm 64 bài tập) tương ứng với nội dung học tập của học phần NNVC. Chương III trong sách của tác giả Đinh Trọng Lạc chia làm 4 phần như sau:

Phần I: Sự khác nhau giữa ngôn ngữ nghệ thuật và ngôn ngữ phi nghệ thuật (6 bài tập)

Phần II: Các đặc trưng của ngôn

ngữ nghệ thuật (tính cấu trúc, tính hình tượng, tính cá thể hóa, tính cụ thể hóa; 37 bài tập)

Phần III: Sự tương tác giữa các yếu tố ngôn ngữ trong tác phẩm văn học (hòa hợp, hội tụ, hụt hẫng, liên tưởng ngữ nghĩa giữa các vị trí mạnh; 16 bài tập)

Phần IV: Các kiểu người tưởng tượng (5 bài tập).

Sau sách của tác giả Đinh Trọng Lạc thì mãi đến năm 2013, ngành giáo dục Việt Nam mới có quyển sách bài tập chuyên dụng đầu tiên cho học phần NNVC. Đó là quyển “Giáo trình thực hành về ngôn ngữ văn chương” (Hoàng Kim Ngọc, Nxb Giáo dục Việt Nam). Sách này gồm 180 bài tập về ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ văn xuôi (chủ yếu là truyện ngắn). Sách gồm 2 chương bài tập và 2 chương gợi ý giải đáp. Các bài tập trong 2 chương đầu được phân bố như sau:

(1) Chương 1: Bài tập về ngôn ngữ thơ (90 bài tập)

+ Bài tập về quan niệm thơ và thể loại thơ (9 bài tập)

+ Bài tập về ngữ âm thơ (19 bài tập)

+ Bài tập về từ vựng ngữ nghĩa thơ (34 bài tập)

+ Bài tập về cú pháp thơ (19 bài)

+ Bài tập về giải mã thơ (9 bài).

(2) Chương 2: Bài tập về ngôn ngữ văn xuôi (90 bài tập)

+ Bài tập về quan niệm và thể loại văn xuôi (4 bài)

+ Bài tập về điểm nhìn và người kể chuyện (34 bài)

+ Bài tập về ngôn ngữ nhân vật

truyện (33 bài)

+ Bài tập về tìm hàm ngôn trong truyện (19 bài).

4. Đề xuất các kiểu bài tập Ngôn ngữ văn chương

Như ở mục (1) đã giới thiệu, nội dung học tập của học phần NNVC, theo định hướng của chúng tôi, gồm có 7 phần. Trong mỗi phần nội dung đó, chúng tôi thấy các dạng bài tập sau đây là cần thiết và ứng dụng có hiệu quả.

4.1. Tổng quan về ngôn ngữ văn chương

4.1.1. NNVC và ngôn ngữ phi văn chương (ngôn ngữ thực dụng)

+ Bài tập nhận diện NNVC

+ Bài tập phân tích màu sắc văn chương của văn bản (đoạn văn bản)

+ Bài tập phân biệt NNVC (ngôn ngữ – tín hiệu thẩm mỹ) và ngôn ngữ phi văn chương (ngôn ngữ chất liệu, ngôn ngữ thực dụng)

+ Bài tập sắp xếp các ngữ liệu theo mức độ tăng dần (giảm dần) về màu sắc văn chương

+ Bài tập phát hiện từ ngữ dùng thiếu màu sắc văn chương

+ Bài tập thay thế từ ngữ dùng chưa đạt thành từ ngữ có màu sắc văn chương

+ Bài tập so sánh các dị bản tác phẩm văn chương về cách dùng từ, đặt câu

+ Bài tập vui về cách chọn lựa từ ngữ của nhà văn, nhà thơ.

4.1.2. Vai trò của NNVC trong tác phẩm văn chương và trong hoạt động sử dụng ngôn ngữ

+ Bài tập chuyển đổi NNVC thành lời nói thông thường hoặc ngược lại

+ Bài tập thảo luận về chỗ mạnh và

chỗ yếu của ngôn ngữ trong việc thực hiện chức năng phản ánh và biểu đạt của văn chương

4.1.3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và nội dung tư tưởng trong tác phẩm văn chương

+ Bài tập nhận xét “độ lệch” giữa văn và ý qua một số đoạn văn, bài thơ

+ Bài tập phân tích cái hay cái đẹp hài hòa giữa hình thức ngôn ngữ và nội dung tư tưởng trong một số kiệt tác.

4.2. Đặc trưng của ngôn ngữ văn chương (tính hình tượng, tính truyền cảm, tính hàm súc, tính đa nghĩa, tính cụ thể hóa, tính cá thể hóa, tính tổng hợp, tính hệ thống)

+ Bài tập nhận diện các đặc trưng của NNVC

+ Bài tập điền từ (thay thế) từ ngữ để làm rõ tính cụ thể hóa hoặc cá thể hóa của NNVC

+ Bài tập so sánh sự khác nhau về phong cách ngôn ngữ giữa các tác giả

+ Bài tập về các lớp nghĩa của tác phẩm văn chương

+ Bài tập thuyết trình về tính đa âm, phức điệu của NNVC (qua một tiểu thuyết hiện đại)

+ Bài tập phân tích sự tương tác giữa các yếu tố ngôn ngữ trong một tác phẩm.

4.3. Ngôn ngữ thơ

4.3.1. Đặc điểm chung của ngôn ngữ thơ

+ Bài tập phân biệt thơ thực dụng, thơ nghệ thuật; thơ tự sự, thơ trữ tình

+ Bài tập nhận diện những dấu hiệu đặc biệt của ngôn ngữ thơ (từ ngữ, cú pháp, phép tu từ, kết hợp “lạ hóa”...)

+ Bài tập phân tích, chứng minh

một nhận định về ngôn ngữ thơ

+ Bài tập trắc nghiệm sự khác nhau giữa ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ văn xuôi

+ Bài tập phân tích chất thơ trong một bài thơ

+ Bài tập lí giải tính chất “ám ảnh” “nội cảm hóa” của ngôn ngữ thơ

+ Bài tập bình luận một ý kiến về nội dung biểu đạt của thơ

+ Bài tập thử nghiệm về cách cảm thụ và sở thích khác nhau về ngôn ngữ thơ.

4.3.2. Các phương tiện biểu đạt của ngôn ngữ thơ

+ Bài tập xác định các loại hình ảnh thơ (hình ảnh thực, hình ảnh phi thực, hình ảnh tượng trưng...; hình ảnh ngoại giới, hình ảnh nội tâm; hình ảnh trung tâm, hình ảnh phụ lưu...)

+ Bài tập tìm ví dụ minh họa cho các loại hình ảnh thơ

+ Bài tập nhận diện các loại vần

+ Bài tập xác định các loại nhịp điệu thơ

+ Bài tập phát hiện chỗ sai trong cách ngắt nhịp (gieo vần) và chữa lại

+ Bài tập phân khổ cho một bài thơ

+ Bài tập phân tích, bình giá về tính nhạc của ngôn ngữ thơ

+ Bài tập xác định tứ thơ

+ Bài tập phân tích cái hay của tứ thơ

+ Bài tập xác định “nhãn tự”, “thần cú” trong một bài thơ (khổ thơ)

+ Bài tập về các loại tín hiệu thẩm mỹ trong thơ.

4.3.3. Các kiểu cấu trúc ngôn ngữ của văn bản thơ

+ Bài tập xác định các kiểu cấu trúc ngôn ngữ thơ (tuyến tính, hồi ức, tương

phản, sóng đôi, đối đáp...)

+ Bài tập phân tích tác dụng biểu đạt của kiểu cấu trúc ngôn ngữ thơ

+ Bài tập trắc nghiệm về kiểu cấu trúc của một số bài thơ có cấu trúc độc đáo

+ Bài tập phân tích, bình luận kết cấu đặc biệt của một bài thơ.

4.3.4. Ngôn ngữ trong một số thể thơ tiêu biểu

+ Bài tập xác định thể thơ của những văn bản thơ khác nhau (lục bát, song thất lục bát, thơ Đường luật, thơ tám chữ, thơ tự do, thơ văn xuôi)

+ Bài tập phân tích sự tuân thủ luật thơ qua một số câu thơ, bài thơ

+ Bài tập phân tích cơ cấu ngôn ngữ của một thể thơ và giá trị biểu đạt đặc trưng của chúng

+ Bài tập phân tích một số kiểu vần, nhịp điệu đặc biệt của một số thể thơ

+ Bài tập hiệu đính cho một bài thơ (vần, luật bằng trắc, tứ thơ, bố cục...)

+ Bài tập viết lời bình, giới thiệu hoặc trao đổi về một bài thơ SV yêu thích hoặc có vấn đề tranh luận

+ Bài tập thảo luận về các bài thơ có vấn đề về xác định thể thơ (thơ Đường luật/ thơ cổ phong; thơ cách luật phá cách/ thơ tự do; thơ tự do/ thơ văn xuôi; thơ văn xuôi trên danh nghĩa/ thơ văn xuôi đích thực...)

+ Bài tập thảo luận về vấn đề (cần thiết hay không) tuân thủ luật thơ khi làm thơ qua một số bài thơ đúng thể và phá thể.

4.4. Ngôn ngữ văn xuôi

4.4.1. Đặc điểm chung của ngôn ngữ văn xuôi

+ Bài tập phân biệt văn xuôi nghệ thuật và văn xuôi thực dụng

+ Bài tập thảo luận một nhận định của tác giả có uy tín về ngôn ngữ văn xuôi

+ Bài tập trắc nghiệm về quan điểm nghệ thuật về ngôn ngữ văn xuôi của một số tác giả nổi tiếng

+ Bài tập thuyết trình, thảo luận về một truyện ngắn (tiểu thuyết) có nhiều điểm cách tân về ngôn ngữ

+ Bài tập so sánh ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ văn xuôi

+ Bài tập thảo luận, tranh luận về ưu thế (và hạn chế) của văn xuôi so với thơ.

4.4.2. Các phương tiện biểu đạt của ngôn ngữ văn xuôi

+ Bài tập nhận diện ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ người kể chuyện

+ Bài tập so sánh tỉ lệ giữa ngôn ngữ nhân vật với ngôn ngữ người kể chuyện (trong một số văn bản) và phân tích vai trò của chúng trong kết cấu truyện

+ Bài tập xác định các dạng thức ngôn ngữ nhân vật

+ Bài tập nhận xét, bình luận về ngôn ngữ nhân vật

+ Bài tập phân tích vận động hội thoại và những giá trị thẩm mỹ của nó

+ Bài tập phân tích tính cách nhân vật qua ngôn ngữ của nhân vật đó

+ Bài tập so sánh ngôn ngữ giữa các nhân vật

+ Bài tập xác định những lời nói, chi tiết không không hợp lí của truyện

+ Bài tập điền từ để học tập cách viết của các tác giả nổi tiếng

+ Bài tập phân biệt ngôn ngữ độc thoại nội tâm và lời trữ tình ngoại đề

+ Bài tập phân biệt ngôn ngữ độc

thoại nội tâm và đối thoại nội tâm

+ Bài tập so sánh sự khác nhau về bút pháp miêu tả, trần thuật

+ Bài tập thảo luận mối quan hệ giữa ngôn ngữ văn xuôi và ngôn ngữ đời sống thường ngày.

4.4.3. Các kiểu cấu trúc ngôn ngữ của văn bản văn xuôi

+ Bài tập nhận diện các kiểu cấu trúc ngôn ngữ của văn bản văn xuôi (tuyên tính, hồi ức, dòng ý thức, truyện trong truyện...)

+ Bài tập trắc nghiệm về các kiểu cấu trúc thường dùng của một tác giả nổi tiếng

+ Bài tập phân tích ý nghĩa của câu (đoạn) mở đầu và kết thúc truyện.

4.4.4. Điểm nhìn, ngôi kể và giọng điệu trong ngôn ngữ văn xuôi

+ Bài tập xác định điểm nhìn trong đoạn văn (văn bản)

+ Bài tập phân tích tác dụng nghệ thuật của sự lựa chọn điểm nhìn miêu tả, tường thuật

+ Bài tập phân tích sự thay đổi điểm nhìn trong văn bản

+ Bài tập xác định ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể trong văn bản

+ Bài tập xác định giọng điệu trong một số ngữ liệu văn xuôi

+ Bài tập nhận biết sự thay đổi về giọng điệu.

4.4.5. Ngôn ngữ trong một số thể loại văn xuôi hiện đại

+ Bài tập nhận diện các đặc điểm của ngôn ngữ truyện ngắn (tiểu thuyết, tùy bút)

+ Bài tập so sánh các đặc điểm của ngôn ngữ truyện ngắn với tiểu thuyết

+ Bài tập phân tích sự khác nhau về đặc điểm của ngôn ngữ truyện với tùy bút.

4.4.6. Ngôn ngữ trong một số thể loại văn xuôi cổ

+ Bài tập phân tích đặc điểm ngôn ngữ của một thể văn xuôi cổ (văn biền ngẫu, văn tế, câu đối, phú)

+ Bài tập đọc diễn cảm một bài văn xuôi cổ (văn tế, văn biền ngẫu, phú)

+ Bài tập bình cái hay, cái đẹp của một số câu đối (bài phú).

4.5. Ngôn ngữ kịch

4.5.1. Đặc điểm chung của ngôn ngữ kịch

+ Bài tập xác định các dạng thức ngôn ngữ kịch trong một trích đoạn

+ Bài tập phân tích tác dụng của các dạng thức ngôn ngữ kịch

+ Bài tập phân tích nét riêng về ngôn ngữ của các thể loại kịch (kịch nói, chèo, tuồng, cải lương, kịch thơ)

+ Bài tập đọc phân vai (hoặc đóng vai) một trích đoạn kịch nói hoặc kịch truyền thống và nhận xét về ngôn ngữ thể hiện

+ Bài tập trắc nghiệm (hoặc so sánh) về sự khác nhau giữa ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ văn xuôi, ngôn ngữ kịch.

4.5.2. Ngôn ngữ trong các thể loại kịch truyền thống

+ Bài tập nhận diện và nêu ý nghĩa của ngôn ngữ bàng thoại trong chèo

+ Bài tập tìm hiểu về các điệu hát trong chèo (nói sử, nói lịch, hát sấp, hát ba than...)

+ Bài tập phân tích, chứng minh một nhận định về đặc điểm của ngôn ngữ chèo (tuồng, cải lương)

+ Bài tập trắc nghiệm (thảo luận) về sự khác nhau về ngôn ngữ giữa chèo,

tuồng, cải lương.

4.6. Lịch sử ngôn ngữ văn chương Việt Nam

4.6.1. Đặc điểm chung của lịch sử NNVC Việt Nam

+ Bài tập phân tích, chứng minh một nhận định về lịch sử NNVC Việt Nam

+ Bài tập điền từ vào một bài viết về NNVC

+ Bài tập nhận xét (thảo luận) một bài viết về NNVC

+ Bài tập trắc nghiệm hiểu biết về lịch sử NNVC

+ Bài tập phân tích sự khác nhau giữa các giai đoạn của lịch sử NNVC Việt Nam

4.6.2. NNVC trong các giai đoạn lịch sử văn học Việt Nam

+ Bài tập nhận diện (phân biệt) ngôn ngữ truyện dân gian, truyện hiện đại; thơ ca dân gian, thơ ca hiện đại; thơ cũ, thơ mới ...

+ Bài tập so sánh đặc điểm ngôn ngữ của văn chương chữ Nôm và chữ Quốc ngữ

+ Bài tập xác định giai đoạn sáng tác của bài thơ, đoạn văn qua phân tích ngôn ngữ

+ Bài tập phát hiện dấu vết văn biền ngẫu trong văn xuôi cuối thế kỉ XIX hoặc đầu thế kỉ XX

+ Bài tập phân tích một số bài thơ mang đặc điểm ngôn ngữ giao thời giữa hai đoạn sáng tác

+ Bài tập xác định từ ngữ, cấu trúc câu dùng không giống với hiện nay của một số văn bản văn chương trước đây

+ Bài tập so sánh sự khác nhau về

cách gieo vần (ngắt nhịp, chia khổ...) của thơ lục bát hoặc song thất lục bát qua các thời kì lịch sử

+ Bài tập thảo luận về sự khác nhau về cấu trúc cú pháp giữa thơ cũ và thơ mới

+ Bài tập phân tích, chứng minh hoặc bình luận một nhận định về ngôn ngữ trong một giai đoạn lịch sử văn chương.

4.7. Phương pháp nghiên cứu, giảng dạy ngôn ngữ văn chương

+ Bài tập tìm hiểu phương pháp nghiên cứu, phân tích NNVC (phương pháp của phong cách học miêu tả, ngôn ngữ học thống kê, phong cách lịch sử, văn bản học...) qua bài viết của một số tác giả nổi tiếng (Phan Ngọc, Nguyễn Văn Trung, Xuân Diệu, Đỗ Hữu Châu, Cù Đình Tú, Lý Toàn Thắng, Nguyễn Tài Căn, Trần Đình Sử...).

+ Bài tập vận dụng phương pháp ngôn ngữ học thống kê để tính toán tỉ lệ bằng trắc (vần, nhịp điệu) hoặc mật độ, độ phân bố của các lớp từ (các phương tiện biểu đạt) trong sáng tác của một số tác giả.

+ Bài tập vận dụng phương pháp thử nghiệm thay thế của phong cách học để đánh giá giá trị biểu đạt của một từ ngữ (phương tiện biểu đạt) trong một ngữ cảnh

+ Bài tập vận dụng phương pháp của phong cách học lịch sử để xác định giai đoạn sáng tác của một văn bản hoặc quá trình vận động về mặt ngôn ngữ của một thể loại

+ Bài tập vận dụng phương pháp của văn bản học để thẩm định nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật của một tác

phẩm từ phương diện ngôn ngữ

+ Bài tập vận dụng phương pháp hệ thống để phân tích từ ngữ hoặc phong cách sáng tác của một tác giả

+ Bài tập vận dụng khái niệm nét dư và nét khu biệt của lí thuyết thông tin vào phân tích ngôn ngữ thơ

+ Bài tập phát hiện và sửa chữa một số lỗi về kiến thức NNVC, về cách sử dụng từ ngữ, cách diễn đạt trong phân tích NNVC.

5. Một số bài tập minh họa cho mục 4

Trong phần này, chúng tôi giới thiệu 8 bài tập ngắn gọn, đại diện cho các dạng bài tập và cho các nội dung học tập của học phần NNVC, để bạn đọc hình dung ra phần nào công việc thiết kế trên thực tế của chúng tôi.

5.1. Bài tập nhận diện (dùng cho phần Tổng quan về NNVC)

Từ ngữ nào thiếu màu sắc văn chương trong hai đoạn thơ sau?

a) Bác thường để lại đĩa thịt gà mà ăn trọn mấy quả cà xứ Nghệ

Tránh nói chữ to và đi nhẹ cả trong vườn

Tim đau hết nỗi đau người ở chân trời góc bể

Đến bên Người ta thở dễ dàng hơn.

(Việt Phương, *Muôn vàn tình thân yêu trùm lên khắp quê hương*)

b) Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy

Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!

Nước mắt ta trào, húp mí, tràn môi

Cổ ta ré trăm trận cười, trăm khóc!

Ta ôm nhau, hôn nhau từng mái tóc

Hả hê chưa, ai bịt được mồm ta?

Ta hét huyên thiên, ta chạy khắp nhà

Ai dám cảm ta say, say thần thánh?
Ngực lép bốn nghìn năm, trưa nay
con gió mạnh

Thôi phồng lên. Tim bỗng hóa mặt
trời.

(Tố Hữu, *Huế tháng Tám*)

5.2. Bài tập phân tích (dùng cho phần
Lịch sử NNVC Việt Nam)

Ngôn từ trong bài “Bài ca chúc Tết
thanh niên” (Phan Bội Châu) rất gần gũi
với ngôn ngữ tiếng Việt hiện nay tuy đôi
chỗ còn lưu dấu vết cách diễn đạt của văn
thơ cổ. Anh (chị) hãy phân tích ngôn ngữ
của bài thơ (thể thơ, cách gieo vần, từ
ngữ diễn đạt...) để chứng minh nhận định
này.

5.3. Bài tập so sánh (dùng cho phần
Ngôn ngữ thơ)

So sánh sự khác nhau về cấu trúc cú
pháp của các câu thơ giữa hai đoạn thơ
sau đây:

a) Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông
trôi;

Quán tranh đứng im lìm trong vắng
lặng,

Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.
Ngoài đường đề cỏ non tràn biếc cỏ,
Đàn sáo đen sà xuống mỏ vu vơ,
Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước
gió,

Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.

(Anh Thơ, *Chiều xuân*)

b) Cửa ong bướm này đây tuần
trắng mặt

Này đây hoa của đồng nội xanh rì

Này đây lá của cành tơ phơ phất

Của yến anh này đây khúc tình si.

Và này đây ánh sáng chớp hàng mi

Mỗi sáng sớm, thần vui hằng gõ cửa
Tháng giêng ngon như một cặp môi
gần

Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng
một nửa.

(Xuân Diệu, *Vội vàng*)

5.4. Bài tập điền từ (dùng cho phần
Ngôn ngữ văn xuôi)

Điền từ còn thiếu cho đoạn trích sau
đây để nêu rõ nhược điểm của nhà văn Lê
Văn Trương trong viết văn:

Chắc các bạn đều nhận rằng Lê Văn
Trương là một nhà văn có ít nhiều tài
chứ? Ông viết thật dễ dàng: trung bình
một tháng xong một cuốn tiểu thuyết hai
trăm trang và trong khoảng mười năm
ông viết được khoảng năm chục cuốn. Óc
tưởng tượng của ông phong phú, tâm hồn
ông dễ xúc động và nhiều khi ông cũng
biết nhận xét nữa. Nhưng ông không chịu
luyện văn, cũng không chịu nghiên cứu
nghệ thuật viết tiểu thuyết, thành thử
những tác phẩm của ông không được một
người sành văn nào ưa chuộng. Ông mắc
cái lỗi ⁽¹⁾... .. nhiều quá. Ông không để
cho nhân vật hành động, nói năng, mà
ông ⁽²⁾... .. những nhân vật đó để giảng
giải về tâm lí và triết lí, giảng cả những
điều rất thông thường, nhạt nhẽo, khiến
cho độc giả nhiều khi phải bực mình.

(Nguyễn Hiến Lê, *Luyện văn*, Nxb
Thanh tân, Sài Gòn, 1970, tr.17-18)

5.5. Bài tập trắc nghiệm (dùng cho
phần Ngôn ngữ văn xuôi)

Những cách kể chuyện nào sau đây
nhà văn Nguyễn Công Hoan đã dùng để
viết nên truyện ngắn của ông:

□ a) Dùng toàn những bức thư nói
tiếp nhau

□ b) Dùng toàn lời đối thoại của nhân vật

□ c) Truyện không có cốt truyện (truyện không có chuyện)

□ d) Truyện kết hợp toàn những cảnh không liên quan với nhau?

(Dựa theo Nguyễn Công Hoan, *Hỏi chuyện các nhà văn*, Nxb Tác phẩm mới, 1977, tr.197-198)

5.6. Bài tập thảo luận (dùng cho phần Phương pháp nghiên cứu, giảng dạy NNVC)

Thảo luận về cách thức độc đáo mà nhà nghiên cứu Phan Ngọc dùng để bình phẩm cái hay của câu đối Nguyễn Khuyến làm hộ vợ anh thợ nhuộm khóc chồng qua đoạn trích sau đây:

Thiếp từ lá thắm xe duyên, khi vận tía, lúc con đen, điều đại điều khôn, nhờ bố đồ

Chàng ở suối vàng có biết, vợ má hồng, con răng trắng, tím gan tím ruột, với trời xanh.

Về trên như thế là cực hiếm. Năm màu thợ nhuộm, sáu chữ đồng âm, lại nói đến cảnh gia đình đoàn tụ. Viết như thế chính là bắt người xem đố người còn cách nào mà đối được? Nhưng đến về dưới thì thực là vô song. Lại năm màu, sáu chữ đồng âm, mà còn lạ hơn là nói đến cảnh thực: vợ góa còn trẻ, con cô, thợ đại. Chữ gì cũng còn có thể hình dung được, đến chữ *tím* trong “tím gan tím ruột” thì phải nói là thần bút.

Sau này tôi mới hiểu tại sao gọi chữ ấy là thần bút. Bởi vì nó chỉ một con giận (bầm gan tím ruột) không cách nào voi được. Về dưới đúng là vô song, vì nó trử tình tột bực. Không có chữ này, về đối đã

là rất hay rồi, nhưng chưa chắc bắt từ. Nhưng đến chữ này thâu tóm được toàn bộ cảnh ngộ người vợ trẻ mất chồng thì mọi thể hệ sau chỉ còn cách bái phục.

(Phan Ngọc, “Cấu trúc ngôn ngữ và cảm giác thẩm mỹ”, In trong quyển *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb Trẻ, 1995, tr.61-62)

5.7. Bài tập vui (dùng cho phần Ngôn ngữ thơ)

Cái gì về ngôn ngữ thơ đã gây ra sự ngộ nhận cho vị giáo viên Văn trong giai thoại sau đây:

THƠ NGUYỄN DU

SAI NGỮ PHÁP

Đầu những năm 1960, nghe nói có vị giáo viên Văn trung học say sưa phân tích trước lớp về câu thơ Nguyễn Du trong Truyện Kiều: “Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô”.

- Cái gì đã rụng? – Vị giáo viên kia hỏi.

- Thưa thầy, cái giếng.

- Rụng cái gì?

- Thưa thầy, lá ngô.

- Cái giếng làm sao có lá để mà rụng?

Vậy thì, “giếng vàng” làm sao có thể làm chủ ngữ cho động từ “đã rụng”? Câu thơ nói trên lẽ ra phải viết: “Một vài chiếc lá ngô đồng đã rụng bên bờ giếng dưới ánh nắng thu vàng”. Vị giáo viên nhếch mép cười khoan dung, rồi nói tiếp: Nhưng, chúng ta không chê trách Nguyễn Du. Cụ khó tránh khỏi những hạn chế của thời đại Cụ! Cách đây hai thế kỉ, khi Nguyễn Du còn ngồi trên ghế nhà trường chưa có sách ngữ pháp tiếng Việt như các em hôm nay. Cụ đâu có cái cơ may được học ngữ pháp tiếng Việt một cách khoa học!

(Theo Hàm Châu, GS Nguyễn Tài Căn – Người soi rọi ngọn nguồn tiếng Việt. Bài in trong *Trang chuyên Ngôn ngữ học*).

5.8. Bài tập sáng tác (dùng cho phần Ngôn ngữ thơ)

Điều gì tạo nên sự độc đáo đoạn thơ sau đây? Anh (chị) hãy thử sáng tác một bài thơ tương tự đoạn thơ này:

Tăm tằm tình bạn

Chénh choáng tình đời

Lú lười tình người

Nôn nao thân phận!...

(Phùng Quán, *Say*)

6. Kết luận

Bài tập là sự tổ chức hoạt động thực hành mang tính sư phạm nhằm hình thành, phát triển các năng lực thực tiễn cho người học. Bài tập dùng để vận dụng kiến thức, nhưng có thể dùng để tìm ra kiến thức. Bài tập phải được xây dựng trên một nền tảng lí thuyết chuyên ngành và giáo học pháp nhất định. Trong hoàn

cảnh học phần NNVC đang trên đường tìm cho mình một đối tượng nghiên cứu và một phương pháp nghiên cứu “thực sự loại biệt”, việc thiết kế bài tập cho học phần, vì vậy, không tránh khỏi sự mò mẫm.

Một trong những định hướng lớn nhất của chúng tôi khi thiết kế bài tập, và đây cũng là cái đích học tập của học phần, là “tìm cái nội dung của hình thức, cái ngữ nghĩa của hình thức” (Phan Ngọc [8, tr.20]) của NNVC. Hay nói khác đi một chút là: tìm cái giá trị thẩm mỹ của hình thức ngôn ngữ, cấu trúc ngôn ngữ trong tác phẩm nghệ thuật. Vấn đề trung tâm của các bài tập là vừa phải giúp SV nghiên cứu các đặc tính tự thân của NNVC, vừa phải gắn liền nó với việc biểu đạt nội dung của tác phẩm, trong một bối cảnh lịch sử văn hóa xã hội, một trào lưu sáng tác, phong cách sáng tác nhất định.

¹ Chi tiết về ba hướng tiếp cận này, xin xem Nguyễn Thiện Giáp, *Vấn đề nghiên cứu văn học dưới góc độ ngôn ngữ*, [2, tr.157-216].

² Danh sách này không tính tới các bài giảng đánh máy hoặc viết tay về Ngôn ngữ và văn học (Ngôn ngữ văn chương, Ngôn ngữ nghệ thuật) dùng để dạy đại học, sau đại học, cao học của Hoàng Hữu Yên, Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Thái Hòa, Cù Đình Tú, Nguyễn Nguyên Trứ... mà chúng tôi đã nghe nhiều đồng nghiệp nói tới nhưng không có văn bản.

³ Trước và sau tác giả Đinh Trọng Lạc, trong sách Ngữ văn THPT, các tác giả soạn sách có thiết kế một số dạng bài tập về ngôn ngữ văn chương dùng cho học sinh. Vì bài viết này bàn về bài tập dùng cho sinh viên đại học nên chúng tôi không nói tới các bài tập đó. Tuy nhiên, cũng cần chú ý, ranh giới giữa bài tập ở THPT và đại học là tương đối, vì có nhiều bài tập ở SGK THPT được một số tác giả đưa lên sách đại học (như một số bài tập rất hay về ngôn ngữ văn chương của Đỗ Hữu Châu ở sách Ngữ văn THPT chuyên ban được Đinh Trọng Lạc lấy đưa vào sách “300 bài tập phong cách học”), và ngược lại. Quyển *Luyện văn* của Nguyễn Hiến Lê, theo chính tác giả nhìn nhận, có “*Mục đích bổ túc những sách dạy Việt ngữ trong các trường trung học*” (Tựa, tr.5, bản in 1970), nhưng vì ông là người đi tiên phong, nên chúng tôi xin giới thiệu ở mục 3 này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (2005), “*Ngữ pháp văn bản, dạy học từ ngữ trong nhà trường và phân tích ngôn ngữ văn học*”, In trong *Đỗ Hữu Châu tuyển tập*, Tập II, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Thiện Giáp (2007), “*Vấn đề nghiên cứu văn học dưới góc độ ngôn ngữ*”, *Lược sử Việt ngữ học*, Tập hai, Nxb Giáo dục, tr.157-216.
3. Đinh Trọng Lạc (1999), *300 bài tập phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Nguyễn Hiến Lê, *Luyện văn*, Nxb Thanh tân, Sài Gòn, 1970.
5. Hoàng Kim Ngọc (chủ biên), Hoàng Trọng Phiến (2011), *Ngôn ngữ văn chương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Hoàng Kim Ngọc (2013), *Giáo trình thực hành về ngôn ngữ văn chương*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
7. Khoa Ngữ văn Trường ĐHSPTPHCM (2005), *Đề cương chuyên đề cao học Việt ngữ học với việc nghiên cứu văn học*, Trường Đại học Sư phạm TP HCM.
8. Phan Ngọc (1995), *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb Trẻ, TP HCM.
9. Bùi Đức Tịnh (1999), *Ngôn ngữ và văn học*, Tập I, II, Nxb Văn nghệ TP HCM.
10. Bùi Minh Toán (2012), *Ngôn ngữ với văn chương*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
11. Nguyễn Văn Trung (1966), *Lược khảo văn học II (Ngôn ngữ văn chương và kịch)*, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn.
12. Tạp chí Văn học, *Chuyên san Ngôn ngữ văn học*, số 12/1998, 1998.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-8-2015; ngày phản biện đánh giá: 05-10-2015;
ngày chấp nhận đăng: 24-11-2015)